

Light

ALIZA OB

Sandal lycra co giãn

Sandal ALIZA có phần trên đàn hồi giúp bảo vệ ESD, phần lót chân có thể tháo rời và đế bám tuyệt vời. Nhờ tính năng đặc biệt này, đôi giày này lý tưởng cho nhiều ngành công nghiệp khác nhau và đôi chân mát mẻ, thoải mái.

Những vật liệu cao cấp hơn	Lorica
lót bên trong	tái chế lưới
trong	Đệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
ngoài	Philon/cao su
	OB / SR, HRO, A, E, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-42 / UK 3.0-8.0 / US 5.5-10.5 JPN 21.5-26.5 / KOR 230-270
ng lượng thép	0.250 kg
ẩn hiêu chu	EN ISO 20347:2022+A1:2024 ASTM F2892:2024

CE · ESD · EXCLUSIVE LORICA · OXYGRIP

CO2 3.93 kg



LMG



WHT



FUC



LBL



co giãn trên
Chất liệu dệt siêu đàn hồi và co giãn mái vòm bàn chân.



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn chặn tia lửa do tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



ường có thể tháo rờ
Thay miếng lót giày thường xuyên hoặc miếng lót giày chỉnh hình riêng mái để thoả

Công nghiệp **n:**
phục vụ ăn uố ạnh g, Làm sốcupốẩm m &gĐthuộ c v ề y h ọ c

ường: **Môi** t
rư ờn mộikhô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cáphủ hà mịệg Khôngtrên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Lorica** **cao** cấp h ơn				
	Top: khả năng ntuấmớch ơ	? 0.8	1.9	iờ mg/cm/g
	Top: hi nuệ sốch ơ	? 15	17.8	mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ó			
	L ớp lót: ntuấmớch ơ	? 2	86.31	iờ mg/cm/g
	lót: hi nuệ sốch ơ	? 20	691	mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)			
	ệ m chân Đch ố n g mài mòn (khô/ ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800	chu kỳ
goài	Đ **Phlon/cao su**			
	Ch ố n g trơn trượt ế ngoài (mài mòn)	? 150	136	mm
	Chư ố ợt trc gớt bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31	0.42	ma sát
	rư Cợt cố ớt bảng t G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.42	ma sát
	rư Cợt SR n G ế t m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19	0.33	ma sát
	Chư ố ợt SR g G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22	0.35	ma sát
	rị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	32.7	megaohm
	rị ESD Giá t	0.1 - 100	51	megaohm
	Hấp thụ năng l ượ g chấn củ	? 20	27	J

kích thước thép: 38

a chúng tôi không có thể thay đổi và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
i **CO2 phát** thả			
	V ật l iệu	1.68	kg
	Bao bì	0.10	kg
	ất Sản x u	1.90	kg
	Chuyên ch ở	0.26	kg
			3.93 kg CO2/ cặp

	Sự **miêu** t ả	ế t u ả	K q
ệ vật l Tiệy **tái** ch ế			
	Product	16%	
	Bao bì	99%	

Tính toán CO2:
rị được tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán dựa trên dữ liệu từ Ecoinvent 3.6 và có thể thay đổi.